

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 323.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng) tương đương 32.300.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q.Long Biên, TP Hà Nội

(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Các công ty con của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>TL lợi ích</i>	<i>TL kiểm soát</i>
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	TP Nam Định	99,880%	99,880%

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/08/2021)
Ông Ngô Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 03/08/2021)
Ông Ngô Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Chiến	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2021)
Ông Trương Đức Nam	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2021)
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm, ngày 04/08/2021)
Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04/08/2021)
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

EM Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Việt Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 143/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long*

Kính gửi:
Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long được lập ngày 04 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lê Phương Anh

*Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 0739-2018-133-1*

Hoàng Thị Khánh Vân

*Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Kiểm toán : 0371-2018-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		131.226.935.765	122.885.125.667
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.941.400.122	2.659.395.517
111	1. Tiền		2.941.400.122	2.659.395.517
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		107.230.733.220	49.748.493.151
121	1. Chứng khoán kinh doanh		109.023.849.274	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(1.793.116.054)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	-	49.748.493.151
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.063.809.912	69.082.809.239
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	18.531.372.509	5.967.924.399
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.065.472.473	1.521.040.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	41.255.467.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.282.978.507	22.051.168.602
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(1.816.013.577)	(1.712.791.235)
140	IV. Hàng tồn kho	10	891.454.862	1.224.102.859
141	1. Hàng tồn kho		891.454.862	1.479.094.309
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(254.991.450)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		99.537.649	170.324.901
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	60.234.333	83.744.723
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		39.303.316	66.642.803
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	19.937.375
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		242.708.410.362	212.497.021.425
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		3.508.410.362	9.835.019.799
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.508.410.362	3.954.569.799
222	- Nguyên giá		3.886.947.140	24.510.183.497
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(378.536.778)	(20.555.613.698)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	5.880.450.000
228	- Nguyên giá		-	5.880.450.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	239.200.000.000	202.662.001.626
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	162.662.001.626
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		180.000.000.000	-
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		59.200.000.000	40.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		373.935.346.127	335.382.147.092

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	
				Số đầu năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		13.488.800.954		17.637.629.085
310	I. Nợ ngắn hạn		10.169.771.547		17.637.629.085
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.690.931.311		9.142.349.163
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.391.090.264		1.586.172.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.087.749.972		134.097.677
314	4. Phải trả người lao động		-		18.196.067
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	-		2.125.618.890
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	-		6.028.126
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	-		4.625.166.462
330	II. Nợ dài hạn		3.319.029.407		-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	46.623.535		-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.272.405.872		-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		360.446.545.173		317.744.518.007
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	360.446.545.173		317.744.518.007
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000		323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000		323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333		113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)		(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737		291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.469.118.824		(5.235.806.906)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(7.528.769.885)		(9.506.576.120)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		44.997.888.709		4.270.769.214
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-		-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.300.812		12.199.376
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-		-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		373.935.346.127		335.382.147.092

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng



Phạm Thị Nhài



Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Việt Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	38.509.307.722	32.617.288.469
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		38.509.307.722	32.617.288.469
11	4. Giá vốn hàng bán	22	37.117.965.852	30.202.473.415
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	27	1.391.341.870	2.414.815.054
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	58.058.119.373	5.741.191.470
22	7. Chi phí tài chính	24	1.654.510.759	2.903.531.628
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		237.737.549	1.239.407.484
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	-	-	98.614.897
25	9. Chi phí bán hàng	25	448.676.538	459.513.401
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.775.289.473	1.017.538.242
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		54.570.984.473	3.874.038.150
31	12. Thu nhập khác		67.498.593	10.000.999
32	13. Chi phí khác	27	227.646.813	147.451.051
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(160.148.220)	(137.450.052)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		54.410.836.253	3.736.588.098
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		6.140.194.114	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		3.272.405.872	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		44.998.236.267	3.736.588.098
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		44.997.974.672	3.706.132.485
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		261.595	30.455.613
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.397	115
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng



Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Cộng đồng Kiểm soát



Bùi Việt Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mã số	CHI TIẾT	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	54.410.836.253	3.736.588.098
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	(53.978.407.688)	(3.839.832.182)
03	- Khấu hao tài sản cố định	98.807.192	147.306.230
04	- Các khoản dự phòng	1.641.346.946	3.341.787
05	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
06	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(55.956.299.375)	(5.229.887.683)
07	- Chi phí lãi vay	237.737.549	1.239.407.484
08	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
09	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	432.428.565	(103.244.084)
10	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	7.707.586.847	8.882.035.955
11	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(587.639.447)	(175.517.164)
12	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(7.505.165.939)	(103.859.601.652)
13	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	23.510.390	(70.482.223)
14	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
15	- Tiền lãi vay đã trả	-	(37.720.000)
16	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(44.698.788)	(11.622.101)
17	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	26.021.628	(95.376.151.269)
21	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
22	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	-	(384.345.455)
23	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	340.080.011	-
24	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(168.223.849.274)	(79.256.467.000)
25	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	49.748.493.151	23.000.000.000
26	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(180.000.000.000)	-
27	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	261.993.750.000	134.400.000.000
30	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	40.976.052.016	9.723.937.270
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	4.834.525.904	87.483.124.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2021 là: 06 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ

Nội: 5, P. Bồ Đề, Q.Long Biên, TP Hà Nội

(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Cơ cấu tổ chức:

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 1 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong kỳ
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại và đầu tư tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính:

Từ năm 2019, Công ty có thay đổi hoạt động kinh doanh sang quy mô đầu tư tài chính. Trong năm 2021, đơn vị có thực hiện chuyển nhượng cổ phần của 3 công ty đang theo dõi là các công ty liên kết trên báo cáo tài chính theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Vì vậy, thu nhập trong năm 2021 chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến lãi hoạt động chuyển nhượng, cho vay và đầu tư trái phiếu. Ngày 12 tháng 7 năm 2021, Công ty cũng thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An.

Việc chuyển nhượng cổ phần các Công ty liên kết và thoái vốn tại Công ty con đã, các làm một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán cũng như doanh thu hoạt động tài chính, lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn

mục, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành công cụ chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành công cụ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động

kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận. Không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Phương tiện, vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng, TS khác	03-05 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả..._được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông qua đại hội đồng cổ đông.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	Công ty con			
1	Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẽ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ		2.874.533.225		1.910.776.234
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		66.866.897		748.619.283
Cộng		2.941.400.122		2.659.395.517

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	109.023.849.274	(1.793.116.054)	49.748.493.151	-
- Tiền gửi có kỳ hạn		-	-	-
- Trái phiếu			49.748.493.151	-
- Chứng khoán kinh doanh	109.023.849.274	(1.793.116.054)	-	-
(*)				
Dài hạn	59.200.000.000	-	40.000.000.000	-
- Trái phiếu (**)	59.200.000.000		40.000.000.000	
Cộng	168.223.849.274	(1.793.116.054)	89.748.493.151	-

(*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu khí Thái Bình: Số lượng 1.827.100 CP, giá trị là 104.011.868.520 VND.
Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VND.

() Chi tiết trái phiếu**

Trái phiếu của Công ty CP quản lý tài sản Pyxis, ngày phát hành là 21/07/2021, ngày đến hạn là ngày 21/07/2024, mệnh giá là 1.000.000 VND/TP. Số lượng Trái phiếu: 39.200 Trái phiếu.

Trái phiếu của công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Kim Lan, ngày phát hành là 30/06/2021, ngày đáo hạn là 30/06/2024, mệnh giá là 1.000.000 VND/TP. Số lượng Trái phiếu: 20.000 Trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	162.662.001.626	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ SmartTech			-	37.076.288.326	(*)	-
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis			-	49.275.191.535	(*)	-
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest				76.310.521.765	(*)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	180.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan	100.000.000.000	(*)				
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	80.000.000.000	(*)				
Tổng cộng	180.000.000.000	-	-	162.662.001.626	-	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty khác của công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan	TP Hà Nội	16,67%	16,67%	Kinh doanh du lịch, bất động sản cho thuê
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	TP Hà Nội	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Camcom Việt Nam	4.697.680.624	1.848.000.000
Phải thu các phòng Giáo dục	3.500.000.000	2.153.557.728
Đàm Mạnh Quân (1)	8.000.000.000	
Nguyễn Thùy Linh (2)	2.333.691.885	1.966.366.671
Các đối tượng khác		
Cộng	18.531.372.509	5.967.924.399

(1): Số còn phải thu Ông Đàm Mạnh Quân từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2312.03/2021/HĐCN ngày 23/12/2021 giữa Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long và Ông Đàm Mạnh Quân về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest, đã thu tiền ngày 09/02/2022.

(2): Số còn phải thu Bà Nguyễn Thùy Linh từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2312.01/2021/HĐCNCP ngày 23/12/2021 giữa Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long và Bà Nguyễn Thùy Linh về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Thời trang và may mặc Demoda đã thu tiền ngày 09/02/2022.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700	981.687.700
Công ty CP Rượu bia nước giải khát Hà Nội		262.092.600
Công ty CP Thiết kế xây lắp và dịch vụ Thương mại		200.000.000
Các đối tượng khác	83.784.773	77.260.173
	1.065.472.473	1.521.040.473

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
2. Ngắn hạn			
Ông Lê Hồng Long	-	16.999.000.000	-
Ông Phạm Phan Anh		8.600.000.000	
Ông Đàm Mạnh Quân		8.000.000.000	
Ông Nguyễn Đức Hiếu		7.356.467.000	
Ông Nguyễn Đức Trung		300.000.000	
Cộng	-	41.255.467.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác ngắn hạn	2.282.978.507	-	22.051.168.602	-
Tạm ứng	-	-	6.926.000.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	1.701.700.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	2.282.978.507	-	13.423.468.602	-
- Ông Nguyễn Tiến Long	-	-	12.800.000.000	-

- Khác (*)

Cộng

c. Các bên liên quan

(*) Chi tiết số dư:

Ông Nguyễn Đức Trung	2.282.978.507	-	623.468.602	-
Ông Đàm Mạnh Quân	2.282.978.507	-	22.051.168.602	-
Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan	2.126.728.767	-		-
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis			Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản khác				
Tổng cộng				
9. NỢ XẤU				

Số cuối năm**Số đầu năm**

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
KL TP Nam Định (vở luyến C1)	313.921.200		313.921.200	
KL TP Ý Yên	199.761.600		199.761.600	
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700		981.687.700	294.506.310
KL Hải Hậu (vở luyến C1)	151.668.800		151.668.800	
KL Công nghệ GD C1(Nam Trục)	136.000.250		136.000.250	
Công ty CP Thiết kế xây lắp và DV Thương Mại			200.000.000	
Các đối tượng khác	34.114.027	1.140.000	24.257.995	
	1.817.153.577	1.140.000	2.007.297.545	294.506.310

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá	891.454.862		1.479.094.309	
	891.454.862	-	1.479.094.309	(254.991.450)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Giảm do thoái vốn		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng												
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19.937.375	11.407.571	6.140.194.114	44.698.788	11.407.571	6.075.557.951						
Thuế Thu nhập cá nhân		4.600.000	5.800.000	10.400.000								
Phí, lệ phí và các		12.709.615	20.125.121	20.125.121	12.709.615							
Cộng	19.937.375	134.097.677	6.332.721.810	229.634.463	129.497.677	6.087.749.972						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Lãi vay		2.125.618.890
- Chi phí bảo hiểm		
- Khác		
Cộng	-	2.125.618.890

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	-	4.757.363
Bảo hiểm y tế	-	1.043.469
Bảo hiểm thất nghiệp	-	227.294
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	-	6.028.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(9.506.576.120)	49.787.763.285	363.249.312.702
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi (lỗ) trong năm trước					3.706.132.485	30.455.613	3.736.588.098
- Tăng khác					564.636.729		564.636.729
- Giảm khác						(49.806.019.522)	(49.806.019.522)
Số dư cuối năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(5.235.806.906)	12.199.376	317.744.518.007
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(5.235.806.906)	12.199.376	317.744.518.007
- Tăng vốn trong năm nay							-
- Lãi (lỗ) trong năm nay					44.997.974.672	(2.898.564)	44.995.076.108
- Tăng khác							-
- Giảm do thoái vốn					(2.293.048.942)		(2.293.048.942)
Số dư cuối năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
- Ông Đăng Hoàng Tuấn	15.770.000.000	4,9%	21.470.000.000	6,6%
- Các cổ đông khác	307.230.000.000	95,1%	301.530.000.000	93,4%
	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay		Năm trước	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000		323.000.000.000	
- Vốn góp tăng trong năm	-		-	
- Vốn góp giảm trong năm	-		-	
- Vốn góp cuối năm	323.000.000.000		323.000.000.000	

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.000	81.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737 VND	291.971.737 VND

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	38.509.307.722	32.617.288.469
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
Cộng	38.509.307.722	32.617.288.469

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Giá vốn bán hàng hóa	37.117.965.852	30.202.473.415
- Giá vốn bán thành phẩm	-	-
Cộng	37.117.965.852	30.202.473.415

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Lãi tiền gửi, cho vay	3.353.385.131	2.293.037.106
- Lãi trái phiếu	5.248.834.380	3.358.356.164
- Chiết khấu thanh toán	1.454.649.862	89.798.200
- Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	48.001.250.000	-
Cộng	58.058.119.373	5.741.191.470

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Chi phí lãi vay	237.737.549	1.239.407.484
- Chiết khấu thanh toán	606.251.977	293.446.096
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	163.351.097	(3.341.787)
- Khác	647.170.136	1.374.019.835
Cộng	1.654.510.759	2.903.531.628

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Chi phí nguyên, vật liệu	38.684.162	18.065.276
- Chi phí nhân công	80.800.000	108.844.342
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.891.651	123.107.605
- Chi phí khác bằng tiền	277.300.725	209.496.178
Cộng	448.676.538	459.513.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	54.830.332	20.945.800
- Chi phí nhân công	1.653.609.003	1.776.381.982
- Chi phí khấu hao	98.807.192	134.839.574
- Thuế, phí, lệ phí	23.125.121	32.549.400
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.838.580	410.332.405
- Chi phí khác bằng tiền	313.856.903	263.598.309
- Chi phí dự phòng	303.222.342	(1.621.109.228)
Cộng	2.775.289.473	1.017.538.242

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	24.802.015	5.317.814
- Khác	202.844.798	142.133.237
Cộng	227.646.813	147.451.051

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	44.997.974.672	3.706.132.485
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.997.974.672	3.706.132.485
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.219.000	32.219.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.397	115

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
- Chi phí nguyên, vật liệu	93.514.494		33.511.076	
- Chi phí nhân công	1.734.409.003		1.885.226.324	
- Chi phí khấu hao	98.807.192		134.839.574	
- Chi phí dự phòng	303.222.342		(1.621.109.228)	
- Thuế, phí, lệ phí	23.125.121		32.549.400	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.730.231		538.940.010	
- Chi phí khác bằng tiền	591.157.628		473.094.487	
Cộng	3.223.966.011		1.477.051.643	

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.941.400.122		2.659.395.517	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.814.351.016	(1.816.013.577)	28.019.093.001	(1.712.791.235)
Các khoản cho vay	-		41.255.467.000	
Đầu tư ngắn hạn	109.023.849.274	(1.793.116.054)	49.748.493.151	-
Đầu tư dài hạn	239.200.000.000	-	40.000.000.000	
Cộng	371.979.600.412	(3.609.129.631)	161.682.448.669	(1.712.791.235)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Vay và nợ	46.623.535		4.625.166.462	
Phải trả người bán, phải trả khác	2.690.931.311		9.148.377.289	
Chi phí phải trả	-		2.125.618.890	
Cộng	2.737.554.846		15.899.162.641	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoài trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động mua bán xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống		Từ 1 năm đến 5 năm		Trên 5 năm		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số cuối năm							
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.941.400.122	-	-	-	-	-	2.941.400.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.814.351.016	-	-	-	-	-	20.814.351.016
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	23.755.751.138	-	-	-	-	-	23.755.751.138
Số đầu năm							
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.659.395.517	-	-	-	-	-	2.659.395.517
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.019.093.001	-	-	-	-	-	28.019.093.001
Các khoản cho vay	41.255.467.000	-	-	-	-	-	41.255.467.000
Cộng	71.933.955.518	-	-	-	-	-	71.933.955.518

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống		Trên 1 năm đến 5 năm		Trên 5 năm		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số cuối năm							
Vay và nợ	-	46.623.535	-	-	-	46.623.535	
Phải trả người bán, phải trả	2.690.931.311	-	-	-	-	2.690.931.311	
Chi phí phải trả	-	-	-	-	-	-	
Cộng	2.690.931.311	46.623.535	-	-	-	2.737.554.846	
Số đầu năm							
Vay và nợ	4.625.166.462	-	-	-	-	4.625.166.462	
Phải trả người bán, phải trả	9.148.377.289	-	-	-	-	9.148.377.289	
Chi phí phải trả	2.125.618.890	-	-	-	-	2.125.618.890	
Cộng	15.899.162.641	-	-	-	-	15.899.162.641	

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chi hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	38.509.307.722	-	-	38.509.307.722
Chi phí bộ phận	37.117.965.852	-	-	37.117.965.852
Kết quả kinh doanh bộ	1.391.341.870	-	-	1.391.341.870
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.223.966.011
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.832.624.141)
Doanh thu hoạt động tài chính				58.058.119.373
Chi phí tài chính				1.654.510.759
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				-
Thu nhập khác				67.498.593
Chi phí khác				227.646.813
Thuế TNDN hiện hành				6.140.194.114
Thuế TNDN hoãn lại				3.272.405.872
Lợi nhuận sau thuế				44.998.236.267

33. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	Công ty liên kết đến ngày 24/12/2021
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	Công ty nắm giữ 16,67% từ ngày 24/12/2021
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc từ ngày 04/8/2021
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc đến ngày 03/8/2021

b. Giao dịch với bên liên quan

- Giao dịch phát sinh trong năm

	<u>Năm nay</u> VNĐ	<u>Năm trước</u> VNĐ
Lãi trái phiếu		
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	4.117.413.698	2.037.945.205
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	2.113.972.603	
Thu lãi trái phiếu		
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	2.063.835.616	6.537.945.205
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	2.100.821.918	
Số dư các bên liên quan		
Phải thu khác		
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	2.113.578.082	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13.150.685

c. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

Năm nay
VNĐ
30.700.000
31.920.000
74.825.455
137.445.455

- Ông Bùi Việt Dũng - Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc- Bỏ nhiệm ngày 04/08/2021

- Bà Hứa Thị Anh Đào - Phó Tổng Giám đốc

- Ông Chu Đức Mạnh - Tổng Giám đốc- Miễn nhiệm ngày 03/08/2021

Cộng

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Bùi Việt Dũng

Phụ lục số 02

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.889.765.519	20.545.617.978		74.800.000	24.510.183.497
- Mua trong năm					-
- Đầu tư hoàn thành					-
- Phân loại lại					-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý, nhượng bán		(384.345.455)			(384.345.455)
- Giảm khác	(2.818.379)	(20.161.272.523)		(74.800.000)	(20.238.890.902)
Số cuối năm	3.886.947.140	-	-	-	3.886.947.140
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	281.795.445	20.206.290.487		67.527.766	20.555.613.698
- Khấu hao trong năm	94.803.594	4.003.598		6.233.328	105.040.520
- Tăng khác					-
- Phân loại lại	4.755.918	(4.755.918)			-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý, nhượng bán		(44.265.444)			(44.265.444)
- Giảm khác	(2.818.179)	(20.161.272.723)		(73.761.094)	(20.237.851.996)
Số cuối năm	378.536.778	-	-	-	378.536.778
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.607.970.074	339.327.491	-	7.272.234	3.954.569.799
Tại ngày cuối năm	3.508.410.362	-	-	-	3.508.410.362

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 03:

Đơn vị tính: VND

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.880.450.000			5.880.450.000
- Mua trong năm				-
- Giảm khác	(5.880.450.000)			(5.880.450.000)
Số cuối năm	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm				-
- Khấu hao trong năm				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.880.450.000	-	-	5.880.450.000
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 04:

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	46.623.535	46.623.535	-	4.578.542.927	4.625.166.462	4.625.166.462
- Vay ngắn hạn	46.623.535	46.623.535	-	1.258.842.927	1.305.466.462	1.305.466.462
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	-				
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Ninh	-	-		884.506.462	884.506.462	884.506.462
<i>Vay cá nhân</i>	46.623.535	46.623.535		374.336.465	420.960.000	420.960.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-		3.319.700.000	3.319.700.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - PGD Xuân Diệu	-	-		1.593.200.000	1.593.200.000	1.593.200.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Quảng Ninh	-	-		496.500.000	496.500.000	496.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-		1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	46.623.535	46.623.535	-	4.578.542.927	4.625.166.462	4.625.166.462

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

Vay cá nhân Ông Đình Văn Nghĩa

+ Thời hạn: 12 tháng

+ Lãi suất: 0%

+ Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo

